

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 294/2019/DSST

Ngày: 25/11/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp  
hụi”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Thanh Bình**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Bà Nguyễn Thị Thúy Loan.**

**Bà Trần Thu Hồng.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Quý** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Lưu Chí H**, sinh năm 1962.

**Nguyễn Thị Thu V**, sinh năm 1960.

Cư trú: ấp Phú Quý, xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

+ Bị đơn: **Đỗ Thành L**, sinh năm 1941.

**Tô Ánh T**, sinh năm 1987.

Cư trú: ấp Phú Quý, xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

**Đỗ Văn T**, sinh năm 1941;

**Nguyễn Thị N**, sinh năm 1958.

Cùng cư trú: ấp Phú Quý, xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang

(Ông H, bà V có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn ông H, bà V cùng trình bày:

Ông bà là vợ chồng và cùng nhau làm thảo hụi. Trước đây, vợ chồng anh L, chị T có tham gia chơi hụi với vợ chồng ông bà nhiều dây hụi nhưng chỉ còn nợ lại hai dây hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất: Hụi tháng 1.000.000đồng, khai ngày 06/9/2016 âm lịch, dây hụi có 30 phần, vợ chồng anh L, chị Tuyết tham gia 01 phần, đóng được 01 kỳ hụi sống, đến kỳ khai hụi thứ hai thì anh chị hốt, hốt được số tiền 21.500.000đồng (hụi kiêu 250.000đồng), sau khi hốt, anh chị đóng được 16 kỳ hụi chết, hiện còn nợ lại 12 kỳ hụi chết x 1.000.000đồng = 12.000.000đồng. Dây hụi này đã mãn vào ngày 06/02/2019 âm lịch)

Dây hụi thứ hai: Hụi tháng 1.000.000đồng, hụi khai vào ngày 11/12/2016 âm lịch), hụi có 30 phần, vợ chồng anh L, chị T tham gia 02 phần. Trong đó, có 01 phần, anh chị hốt vào lần khai đầu tiên (hụi kiêu 420.000đồng), hốt được số tiền 16.320.000đồng, còn nợ lại 29 kỳ hụi chết. Sau khi hốt, anh chị đóng được 16 kỳ hụi chết, còn nợ lại 13 kỳ hụi chết x 1.000.000đồng = 13.000.000đồng. Phần còn lại, anh L, chị T hốt ở lần khai thứ 6 (hụi kiêu 315.000đồng), hốt được 20.940.000đồng, sau khi hốt anh chị đóng được 11 kỳ hụi chết, còn nợ lại 13 kỳ hụi chết x 1.000.000đồng = 13.000.000đồng (dây hụi này hiện đã mãn hết).

Tổng cộng anh L, chị T còn nợ số tiền hụi là 38.000.000đồng.

Khi hốt các dây hụi thì vợ chồng anh L, chị T có làm biên nhận nhận tiền hụi do anh chị ký tên nhận. Do anh chị hốt hụi rồi đóng hụi chết không đầy đủ nên chúng tôi yêu cầu anh L, chị T trả thêm tiền lãi kể từ khi chậm đóng hụi chết cho đến khi Tòa án xét xử.

Nay, chúng tôi yêu cầu anh Lâm, chị T trả số tiền nợ hụi là 38.000.000đồng và tiền lãi, cụ thể:

+ Dây hụi khai ngày 06/9/2016 âm lịch còn nợ 12.000.000đồng tính lãi từ ngày 06/01/2018 âm lịch đến tháng 8/2020 (ngày nộp đơn khởi kiện) là:  $12.000.000\text{đồng} \times 31 \text{ tháng} \times 0,83\%/ \text{tháng} = 3.087.600\text{đồng}$ .

+ Dây hụi khai ngày 11/12/2016 âm lịch còn nợ 26.000.000đồng tính lãi từ ngày 11/01/2018 đến tháng 08/2020 (ngày nộp đơn khởi kiện) là:  $26.000.000\text{đồng} \times 29 \text{ tháng} \times 0,83\%/ \text{tháng} = 6.042.400\text{đồng}$ .

(Trong đó có 01 năm nhuận hai tháng)

Như vậy, anh Lâm, chị Tuyết trả tổng số tiền là 38.000.000đồng + 3.087.000đồng + 6.042.400đồng = 47.130.000đồng, yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với ông T, bà N là cha mẹ của anh L, chị T, trong các lần đóng tiền hụi thì ông bà có đóng dùm tiền hụi cho anh L, chị T nhưng thực tế chơi hụi và hốt hụi do anh L, chị T trực tiếp tham gia.

\* Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn chị T, anh L cùng trình bày:

Chị và anh Đỗ Thành L là vợ chồng. Anh chị thừa nhận có tham gia chơi hai dây hụi như lời trình bày của ông H, chị V. Anh chị cũng thừa nhận có hốt hụi và nhận số tiền hụi, có ký tên biên nhận nhận tiền hụi vào ngày 16/12/2016 âm lịch, ngày 16/5/2017 âm lịch và biên nhận ngày 11/10/2016 âm lịch.

Sau khi hốt hụi xong thì anh chị có đóng hụi đầy đủ đến ngày 12/10/2018 thì vợ chồng anh chị có kêu ông H tổng kết nợ tiền hụi là số tiền 48.000.000đồng, đây là tổng cộng của hai dây hụi khai ngày 11/12/2016 (âm lịch) và ngày 06/9/2016 (âm lịch) và các dây hụi mà tôi chơi trước đó còn nợ lại. Từ ngày ông H tổng kết nợ ngày 12/10/2018 âm lịch đến nay, chị đã đóng hụi chết đầy đủ đến tháng 02/2020 (dương lịch) là hết nợ hụi, không còn nợ ông H, bà V tháng hụi chết nào hết. Khi anh chị đóng hụi chết là gởi cho cha mẹ chồng chị là ông Đỗ Văn T và bà Nguyễn Thị N đóng hụi thay. Khi cha mẹ anh chị đóng hụi thay không có làm giấy tờ gì hết nên không có chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án.

Nay, anh chị không có giấy tờ chứng cứ chứng minh nên chị đồng ý trả cho ông H, bà V số tiền 38.000.000đồng, tôi xin trả tiền vốn, không đồng ý trả tiền lãi. Chị xin trả hàng tháng, mỗi tháng trả 1.500.000đồng cho đến khi hết nợ.

\* Tại bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông T, bà N cùng trình bày:

Ông bà là cha mẹ của anh L, chị T. Ông bà biết giữa con trai, con dâu có tham gia chơi hụi với ông Hiếu, bà V do ông H, bà V làm thảo hụi. Anh L, chị T có chung hộ khẩu với ông bà nhưng đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh. Do con ông bà ở xa nên đôi lúc có gởi tiền cho ông bà đóng hụi dùm, đóng được bao nhiêu tiền và bao nhiêu tháng thì không nhớ. Ông bà biết hiện anh L, chị T chỉ còn nợ số tiền hụi là 38.000.000đồng, không phải 47.000.000đồng theo đơn khởi kiện.

Nay, ông T, bà N xác định không có liên quan gì đến số tiền hụi nên trên nên không tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, ông H, bà N vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu như nêu trên.

***\* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:***

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Áp dụng Điều 357, 471 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa ông Lưu Chí H, bà Nguyễn Thị Thu V và anh Đỗ Thành L, chị Tô Ánh T là tranh chấp hợp đồng góp hui được xem xét giải quyết theo Điều 471 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Đỗ Thành L, chị Tô Ánh T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn T, bà Nguyễn Thị N có đơn xin vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu anh L, chị T trả số tiền nợ hui là 38.000.000đồng và tiền lãi của hai dây hui là 9.130.000đồng, tổng cộng là 47.130.000đồng là có cơ sở một phần, bởi lẽ giữa anh L, chị T và ông H, bà N có xác lập hợp đồng góp hui với chứng cứ là các biên nhận tiền hui ngày 16/12/2016 âm lịch, ngày 16/5/2017 âm lịch, ngày 11/10/2016 âm lịch và sự thừa nhận của các đương sự theo biên bản hòa giải ngày 10/11/2020. Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 10/11/2020 anh Lâm, chị Tuyết đồng ý trả cho ông H, bà N số tiền nợ hui là 38.000.000đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.500.000đồng cho đến khi hết nợ, yêu cầu xin trả dần không được ông H, bà Vân đồng ý nên cần buộc anh L, chị Tuyết có nghĩa vụ trả số tiền nợ hui là 38.000.000đồng là hoàn toàn có cơ sở.

Xét yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử thấy rằng, ông Hiếu bà V yêu cầu anh L, chị T trả tiền lãi từ khi ngưng đóng của hai dây hui, cụ thể: Dây hui khai ngày 06/9/200016 âm lịch, anh L, chị T ngưng đóng hui ngày 06/01/2018 âm lịch đến ngày nộp đơn khởi kiện (tháng 8/2020) là  $12.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/tháng \times 31\text{ tháng} = 3.087.000\text{đồng}$ . Dây hui khai ngày 11/12/2016 âm lịch, anh Lâm, chị Tuyết ngưng đóng hui ngày 11/01/2018 âm lịch đến ngày nộp đơn khởi kiện (tháng 8/2020) là  $26.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/tháng \times 29\text{ tháng} = 6.042.400\text{đồng}$ , tổng cộng là 9.130.000đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông H, bà V thừa nhận đến ngày 02/02/2020, anh L, chị T có gửi tiền đóng hui là 2000.000đồng thì ngưng không đóng nữa. Do anh Lâm, chị Tuyết vi phạm nghĩa vụ đóng hui và các dây hui đã mãn nhưng anh chị không đóng hui hết đầy đủ làm thiệt thời quyền lợi của ông H, bà Ng. Do đó, Hội đồng xét xử tính lãi từ ngày 02/02/2020 (âm lịch) đến thời điểm xét xử (ngày 11/10/2020 âm lịch) là ông H, bà V là có căn cứ. Như vậy, số tiền nợ hui là  $38.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/tháng \times 08\text{ tháng} = 2.523.200\text{đồng}$ .

Từ phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử cần buộc anh L, chị T có nghĩa vụ trả cho ông H, bà N tổng vốn và lãi số tiền hui là 40.523.200 đồng, thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với Điều 21 và Điều 22 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh L, chị T, ông H, bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 471, 357 Bộ luật dân sự;
- Áp dụng nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, hiệu, họ, họ;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Chí H và bà Nguyễn Thị Thu V

Buộc anh Đỗ Thành L, chị Tô Ánh T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lưu Chí H và bà Nguyễn Thị Thu V số tiền 38.000.000đồng (*Ba mươi tám triệu đồng*), thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông H, bà V cho đến khi thi hành án xong, anh L, chị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

**\* Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- + Anh Đỗ Thành L, chị Tô Ánh T phải chịu số tiền 2.026.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- + Ông Lưu Chí H, bà Nguyễn Thị Thu V phải chịu số tiền 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí án phí 1.178.000đồng theo biên lai số 0016798 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây. Như vậy, ông Hiếu, bà Vân được hoàn lại số tiền 878.000đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng anh L, chị Tuyết, ông T, bà N kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

\* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Nông sở;
- Lầu ho sở.

**(ĐÃ KÝ)**

**Phan Thanh Bình**

